

QUY ĐỊNH
một số nội dung, mức chi hoạt động
của tỉnh uỷ, thành uỷ

- Căn cứ Quyết định số 259-QĐ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị khoá XIII về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng;

- Căn cứ Thông báo kết luận số 254-TB/TW, ngày 10/7/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc ban hành một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các cơ quan đảng ở Trung ương và các cấp uỷ địa phương;

- Căn cứ Quy định số 399-QĐ/TW, ngày 09/01/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng;

- Căn cứ Nghị định số 04/2026/NĐ-CP, ngày 28/01/2026 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Căn cứ Công văn số 11781-CV/VPTW, ngày 21/10/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo ý kiến của đồng chí Thường trực Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện một số khoản thu nhập đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị của Đảng;

- Xét đề nghị của Cục Tài chính và Quản lý đầu tư;

Văn phòng Trung ương Đảng quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của tỉnh uỷ, thành uỷ như sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung, mức chi hoạt động của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố (sau đây gọi là tỉnh uỷ, thành uỷ); ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ.

2. Đối tượng áp dụng

- Tỉnh uỷ, thành uỷ.

- Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ.
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ; Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố, Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.
- Đảng uỷ xã, phường, đặc khu.
- Đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Tổ chức đảng cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng": Là tổ chức đảng không thuộc hệ thống hành chính, do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định thành lập theo quy định của Trung ương (Điều 10, Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định thi hành Điều lệ Đảng; ví dụ ở Hà Nội có Đảng bộ các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội...).

2. "Nghị quyết" trong Quy định này là nghị quyết của cấp uỷ về các vấn đề cụ thể, giải pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, ở địa phương hoặc xử lý các vấn đề có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp; nghị quyết thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. "Đề án, quy chế, quy định" trong Quy định này là các văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Quy định số 399-QĐ/TW, ngày 09/01/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Kinh phí trong Quy định này do ngân sách nhà nước bảo đảm. Các cơ quan được giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách của cấp nào thì cấp đó bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nội dung chi tại Quy định này thuộc nguồn kinh phí giao không thực hiện tự chủ. Các nội dung chi không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước và cấp có thẩm quyền ở địa phương (nếu có).

3. Người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí tương xứng với mức độ quan trọng, phức tạp của nhiệm vụ và đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, không vượt quá mức chi tại Quy định này; tuân thủ các quy định về giám sát, kiểm tra, kiểm toán; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí trong sử dụng ngân sách.

Điều 4. Trình tự thực hiện và thẩm quyền quy định mức chi

1. Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố, Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố được thực hiện các nội dung, mức chi tại Quy định này như cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ. Riêng nhiệm vụ xây dựng và thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án) và xây dựng các văn bản khác nêu tại Điều 6 Quy định này do ban chấp hành, ban thường vụ đảng uỷ thực hiện ban hành; chỉ phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); chỉ phục vụ hoạt động của đoàn giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của ban thường vụ đảng uỷ: Mức chi tối đa bằng 50% mức chi tại Quy định này.

2. Đảng uỷ xã, phường, đặc khu và đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng:

a) Chỉ thực hiện xây dựng và thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án) do tỉnh uỷ, thành uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ giao nhiệm vụ, áp dụng mức chi theo Điều 5; chỉ hội nghị thực hiện theo quy định tại Điều 8; chỉ bồi dưỡng khác thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

b) Căn cứ các nội dung, mức chi tại Quy định này (trừ nội dung quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này), văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ chủ trì, phối hợp với sở tài chính và các cơ quan có liên quan của tỉnh, thành phố báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ (bằng văn bản) đề nghị hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố quyết định hoặc giao hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đối với đảng uỷ xã, phường, đặc khu và đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng, mức chi tối đa bằng 50% mức chi của tỉnh uỷ, thành uỷ, bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

3. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng và thẩm định văn bản; đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng quyết định mức chi cụ thể cho từng nội dung, nhiệm vụ; quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ hoặc văn bản quy định của cơ quan theo nguyên tắc không vượt quá mức chi tại Quy định này.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Chi xây dựng và thẩm định văn bản trình tỉnh uỷ, thành uỷ; ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ ban hành

1. Chi xây dựng văn bản

Văn bản trình tỉnh uỷ, thành uỷ; ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ là nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án hoặc không xây dựng đề án. Đối với

văn bản trình qua nhiều cấp thì được áp dụng mức chi xây dựng văn bản trình cấp cao nhất.

1.1. Đối với văn bản mới (hoặc văn bản thay thế)

a) Văn bản do tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 50.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 40.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 40.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định ban hành

- Nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 40.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 30.000.000 đồng/văn bản.

- Quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 30.000.000 đồng/văn bản.

1.2. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung

Tuỳ theo nội dung, phạm vi sửa đổi, mức chi tối đa bằng 60% Điểm 1.1, Khoản này.

1.3. Mức chi quy định tại Điểm 1.1, 1.2, Khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Đối với xây dựng nghị quyết, quy chế, quy định bao gồm: Dự thảo đề án (trường hợp được giao xây dựng đề án), dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, báo cáo giải trình nếu có).

b) Đối với xây dựng quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện bao gồm: Dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp; dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt đề án, báo cáo giải trình nếu có).

c) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản tại Tiết a, Tiết b, Điểm này: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

1.4. Trường hợp văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ đề nghị cấp có

thẩm quyền của địa phương theo phân cấp của hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức chi.

Mức chi quy định tại Điểm 1.4, Khoản này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành, bao gồm một số nội dung, nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Chi xây dựng dự thảo đề án, dự thảo báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp, dự thảo hồ sơ trình (dự thảo tờ trình, dự thảo nghị quyết, quy chế, quy định, đề án, báo cáo giải trình nếu có).

b) Chi hoạt động hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho công tác xây dựng văn bản: Chi họp, hội thảo (chế độ chi thực hiện theo quy định hiện hành); chi rà soát hồ sơ trình; chi phê duyệt, ký duyệt văn bản; chi văn phòng phẩm; chi bồi dưỡng các bộ phận văn thư, đánh máy, in ấn, nhân sao, phát hành tài liệu; bồi dưỡng cho công tác lập dự toán, quyết toán kinh phí và các nội dung chi cần thiết khác.

c) Chi thuê chuyên gia (nếu có), sản phẩm là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp. Mức khoán chi chuyên gia tối đa không quá 10% tổng mức chi xây dựng văn bản.

d) Đối với các văn bản có sử dụng tài liệu nước ngoài, phải điều tra xã hội học, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định về nội dung, đối tượng, phạm vi điều tra. Chế độ chi cho dịch thuật và điều tra xã hội học thực hiện theo các quy định hiện hành.

2. Chi thẩm định văn bản (bao gồm: Nghị quyết, quy chế, quy định, đề án)

2.1. Mức chi

a) Văn bản trình tỉnh ủy, thành ủy

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 15.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản.

b) Văn bản trình ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy

- Thẩm định ban hành nghị quyết, quy chế, quy định: Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 12.000.000 đồng/văn bản; trường hợp không giao xây dựng đề án, mức chi tối đa 10.000.000 đồng/văn bản.

- Thẩm định quyết định phê duyệt ban hành đề án để thực hiện: Mức chi tối đa 10.000.000 đồng/văn bản.

c) Đối với văn bản chỉ thực hiện nhiệm vụ thẩm định về thẩm quyền và thể thức văn bản, mức chi tối đa bằng 30% tổng mức chi thẩm định văn bản nêu trên.

2.2. Mức chi quy định tại Điểm 2.1, Khoản 2 Điều này là mức khoán chi đến khi văn bản được ban hành. Sản phẩm của thẩm định văn bản nêu trên gồm: Báo cáo thẩm định, ý kiến thẩm định bằng văn bản hoặc thể hiện tại biên bản họp thẩm định.

2.3. Trường hợp thẩm định văn bản có phạm vi nghiên cứu rộng, nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực cần thuê chuyên gia, Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ đề nghị cấp có thẩm quyền của địa phương theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức chi.

- Sản phẩm thuê chuyên gia là chuyên đề hoặc kết quả khác theo thoả thuận trong hợp đồng thuê khoán hoặc ý kiến thể hiện tại biên bản họp.

2.4. Kinh phí thẩm định do cơ quan được giao nhiệm vụ (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền) chủ trì thẩm định chi.

3. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn công tác theo các chương trình, đề án được cơ quan chủ trì chương trình, đề án chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn công tác theo các chương trình, đề án thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chi xây dựng một số văn bản khác trình tỉnh uỷ, thành uỷ; ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ

1. Xây dựng chương trình làm việc toàn khoá, báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của tỉnh uỷ, thành uỷ: Mức chi tối đa 30.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

2. Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá của tỉnh uỷ, thành uỷ; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác tài chính đảng; báo cáo sơ kết, tổng kết chỉ thị, nghị quyết của Trung ương: Mức chi tối đa 15.000.000 đồng/chương trình/báo cáo.

3. Xây dựng các báo cáo, bao gồm: Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên đề thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh uỷ, thành uỷ; báo cáo tổng kết năm của tỉnh uỷ, thành uỷ; báo cáo tổng kết năm công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh uỷ, thành uỷ; báo cáo công tác tài chính đảng hằng năm của tỉnh uỷ, thành uỷ. Mức chi tối đa 9.000.000 đồng/báo cáo.

4. Xây dựng chương trình làm việc năm của tỉnh uỷ, thành uỷ: Mức chi tối đa 7.000.000 đồng/chương trình.

5. Chi xây dựng chi thị; kết luận; chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết của tỉnh uỷ, thành uỷ, ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ: Mức chi tối đa 5.000.000 đồng/văn bản.

Điều 7. Chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); các đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng được thành lập theo quyết định của tỉnh uỷ, thành uỷ; ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ

1. Mức chi

a) Đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp dưới quản lý, mức chi tối đa 30.000.000 đồng/đoàn (tổ).

b) Đoàn giải quyết tố cáo, mức chi tối đa 20.000.000 đồng/đoàn (tổ).

c) Đoàn kiểm tra, giám sát (ngoài kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm); Đoàn giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng, mức chi tối đa 16.000.000 đồng/đoàn (tổ).

2. Nội dung chi bao gồm:

- Xây dựng chương trình gồm: Quyết định thành lập đoàn (bao gồm cả kế hoạch và nội dung), đề cương kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

- Xây dựng báo cáo kết quả, thông báo kết luận kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

- Chi hợp đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3. Kinh phí chi phục vụ hoạt động của các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng do cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì chi. Cán bộ, công chức khi tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng (đoàn công tác liên ngành, liên cơ quan) được cơ quan chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại. Trường hợp thành viên đoàn không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác, thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán chi phí đi lại cho người đi công tác. Cơ quan cử người tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; giải quyết tố cáo; giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác theo quy định hiện hành.

Điều 8. Chi hội nghị

Chế độ chi hội nghị thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước; đối với tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ của đại biểu và khách mời một số hội nghị được quy định như sau:

1. Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, hội nghị do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ triệu tập và chủ trì (không bao gồm hội nghị thường kỳ của ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ) được khoán chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị; mức chi bằng 1,5 lần mức khoán chi tiền ăn của đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước theo quy định hiện hành. Đối với đại biểu ở xa phải nghỉ lại trong thời gian hội nghị, thì được chi tiền thuê phòng nghỉ theo quy định hiện hành.

2. Hội nghị tổng kết năm theo ngành của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ tổ chức được khoán chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời trong thời gian hội nghị; mức chi bằng mức khoán chi tiền ăn của đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 9. Chi trang phục

Các đồng chí uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố; cán bộ, công chức, người lao động đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố, Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố mỗi năm được hỗ trợ tiền may trang phục, mức chi 1.000.000 đồng/người/năm. Riêng các đồng chí là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoặc là đại biểu Quốc hội hoặc là đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo chế độ của Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoặc đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân. (Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất).

Chế độ trang phục đối với người làm công tác cơ yếu thực hiện theo quy định hiện hành; không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 10. Chi bồi dưỡng khác

1. Bồi dưỡng phục vụ hoạt động của cấp uỷ

Cán bộ, công chức, biệt phái làm việc thường xuyên, lao động hợp đồng được giao hưởng lương từ ngân sách nhà nước (hợp đồng không xác định thời hạn hoặc ký hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 của Chính phủ) đang làm việc trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố, Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, Đảng uỷ xã, phường, đặc khu và Đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng được hưởng chế độ bồi dưỡng hằng tháng hệ số 0,3 mức lương cơ sở.

2. Bồi dưỡng công tác văn thư

Cán bộ, công chức làm công tác văn thư tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh uỷ, thành uỷ, Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, thành phố, Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, Đảng uỷ xã, phường, đặc khu và Đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở những nơi có đặc điểm riêng được hưởng chế độ bồi dưỡng hằng tháng hệ số 0,1 mức lương cơ sở.

3. Mức chi bồi dưỡng phục vụ hoạt động của cấp uỷ, bồi dưỡng công tác văn thư quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện cho đến khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội có quy định mới về tiền lương, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành

1. Hằng năm, các cơ quan lập dự toán, quyết toán nội dung chi tại Quy định này theo đúng quy định hiện hành.

2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Quy định này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/4/2026 và thay thế các văn bản sau: Quy định số 09-QĐ/VPTW, ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương; Công văn số 14612-CV/VPTW, ngày 29/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các đảng uỷ mới thành lập ở địa phương; Công văn số 15316-CV/VPTW, ngày 10/6/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn bổ sung một số chế độ chi phục vụ hoạt động của các đảng uỷ mới thành lập ở địa phương; Điểm 1.3, Mục 1, Công văn số 15779-CV/VPTW, ngày 29/6/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn việc bảo đảm kinh phí phục vụ hoạt động của đảng bộ xã, phường, đặc khu thành lập mới.

4. Đối với nội dung chi của các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tỉnh uỷ, thành uỷ phản ánh kịp thời về Văn phòng Trung ương Đảng để nghiên cứu, hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Đồng chí Thường trực Ban Bí thư (để báo cáo),
- Đồng chí Chánh Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các đảng uỷ xã, phường, đặc khu,
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương,
- Bộ Tài chính,
- Vụ Địa phương I, II,
- Cục Tài chính và Quản lý đầu tư,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Võ Thành Hưng